TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH SƠN** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-5-2024
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Hiếu và anh Thương ".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Kim Khánh.
2. Ông Đinh Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 162/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp*: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 16/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Phạm Thị Minh H, sinh năm 1981.
Địa chỉ: G đường B, phường B, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Phan Văn T năm 1976.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận
(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Hồ Phạm Thị Minh H xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-7-2023 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn T tự nguyện sống chung, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B - T, tỉnh Ninh Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, bắt đầu từ đầu năm 2022 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, anh T2 cờ bạc, say xỉn, không quan tâm gia đình hay cãi vã. Từ đó đến nay anh chị không còn sống chung. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã

trầm trọng nên chị xin được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Phan Hồ T4 H2, sinh ngày 25/5/2002 và Phan Hồ Hoài B ngày 24/10/2011. Khi ly hôn, chị xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu H2 đã trên 18 tuổi, tự lo cho bản thân được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Phan Văn T vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh T theo đúng quy định nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về việc xác định thẩm quyền giải quyết, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng,... Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

- Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự như làm khởi kiện, cung cấp chứng cứ, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ tại Toà án, yêu cầu lấy lời khai của nguyên đơn ;...

- Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự , mặc dù Tòa án đã tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn biết nhưng bị đơn không tham gia, không có ý kiến gì gây khó khăn làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị Hồ Phạm Thị Minh H và anh Phan Văn T đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị H xin giải quyết cho ly hôn với anh T, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị H, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Phạm Thị Minh H ly hôn với anh Phan Văn T

- Về con chung: Giao con chung là Phan Hồ Hoài B ngày 24/10/2011 cho chị H nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị H không yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Chị Hồ Phạm Thị Minh H khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phan Văn T và giải quyết vấn đề con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

[1.2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Bị đơn – anh Phan Văn T có địa chỉ cư trú tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Chị Hồ Phạm Thị Minh H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Hồ Phạm Thị Minh H và anh Phan Văn T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B - T, tỉnh Ninh Thuậntheo Giấy chứng nhận kết hôn số 93, quyển số 01/2011. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị H trình bày nguyên nhân vì bất đồng quan điểm, hay cãi vã, lối sống không phù hợp, anh T chăm lo gia đình,...mâu thuẫn đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh T

Quá trình giải quyết, anh T đã được niêm yết, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị H Xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị H và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:*

Chị H và anh T có 02 con chung là Phan Hồ T4 H2sinh ngày 25/5/2002 và Phan Hồ Hoài B ngày 24/10/2011. Khi ly hôn, chị H xin được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung, cháu H2đã trưởng thành và lao động tự túc được nên chị không yêu cầu giải quyết. Xét ý kiến của chị H vọng của con chung, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và qua tham khảo ý kiến của địa phương, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy đủ căn cứ chấp nhận ý kiến của chị H, giao cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Phan Hồ Hoài B2. Chị H và cháu B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét. Cháu H2đã trên 18 tuổi, tự túc lo cho bản thân được Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Hồ Phạm Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Hồ Phạm Thị Minh H và anh Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Phạm Thị Minh H

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Hồ Phạm Thị Minh H năm 1981 và anh Phan Văn T năm 1976.

- *Về nuôi con chung:* Giao con chung là Phan Hồ Hoài B2, sinh ngày 24/10/2011 cho chị Hồ Phạm Thị Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Phan Hồ T4 H2sinh ngày 15/5/2002 đã trên 18 tuổi, tự túc lo cho bản thân được nên chị Hồ Phạm Thị Minh H không yêu cầu giải quyết.

- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con

được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Hồ Phạm Thị Minh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0006348 ngày 10/10/2023. Chị Hồ Phạm Thị Minh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Hồ Phạm Thị Minh H Bị đơn – anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND P. Bảo An, TP PRTC;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thùy Dung